

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/DS-ST
Ngày: 10 – 5 - 2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Phong
- Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 498/2023/TLST-DS ngày 8 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1970. Địa chỉ: 7/4 ấp AT, xã AT, huyện TP, tỉnh BT.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Địa chỉ: 53/6 ấp TM, xã MA, huyện TP, tỉnh BT. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: 16/1 khu phố C, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh BT (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ngày 05/02/2018 ông Lê Văn T có cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Bá T chồng bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, lãi xuất 02 bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Khi vay có lập giấy mượn tiền bà H có ký tên xác nhận. Sau khi vay bà H và ông T không trả nợ đúng cam kết, sau khi ông T khởi kiện ngày 11/12/2023 bà H có chuyển khoản trả cho ông T 30.000.000 đồng và ngày 10/01/2024 bà H có chuyển khoản trả cho ông T 20.000.000 đồng. Nên hiện nay bà H và ông T chỉ còn nợ ông T lại số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc.

Khi khởi kiện ông T yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Bá T và vợ Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi xuất 0.83%/tháng. Nay ông T chỉ yêu cầu Nguyễn Bá T và vợ Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi xuất 0.83%/tháng đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng.

**Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Ông Nguyễn Bá T là chồng của bà H, hiện bà và ông H sống chung nhà ở thị trấn Thanh Phú. Năm 2018 bà và ông T có vay tiền của ông T số tiền 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05/02/2018 ông T cung cấp cho Tòa. Quá trình vay tiền các bên có tự thỏa thuận lãi xuất và thời hạn trả nợ, nhưng do khó khăn về kinh tế nên không trả lãi đúng cam kết cho ông T. Sau khi vay bà có trả cho ông T 100.000.000 đồng tiền gốc nhưng do tin tưởng nên bà không yêu cầu ông T viết giấy bà đã trả được 100.000.000 đồng. Sau khi ông T khởi kiện bà có chuyển khoản trả cho ông T 02 lần ngày 11/12/2023 bà trả được 30.000.000 đồng và ngày 10/01/2024 bà trả được 20.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 50.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã đóng bà không yêu cầu Tòa án xem xét do bà tự nguyện thỏa thuận đóng lãi cho ông T.

Bị đơn ông Nguyễn Bá T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày .

** Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 70, 71

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 26, 35, 39 và 217 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà H và ông T liên đới thanh toán cho ông T 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày khởi kiện (18/10/2023) đến khi vụ án được giải quyết xong với lãi suất 0.83%/tháng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông T và bà H trả 50.00.000 đồng tiền gốc và lãi suất của 50.000.000 đồng từ ngày khởi kiện đến khi vụ án được giải quyết xong do ông T tự nguyện rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Phạm Thị H trả tiền vay nên xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Phạm Thị H có nơi cư trú tại thị trấn TP, huyện TP, tỉnh BT nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Bá T và bà Phạm Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bá T và vợ Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng. Sau đó nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bá T và vợ Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng đối với tiền gốc 150.000.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn Lê Văn T với bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Phạm Thị H được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật

và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Khi khởi kiện nguyên đơn Lê Văn T cung cấp 01 giấy mượn tiền ngày 05/02/2018 thể hiện bà Phạm Thị H mượn ông Lê Văn T số tiền 200.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H thừa nhận nội dung biên nhận trên bà có vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà cho rằng quá trình vay bà đã trả được cho ông T tổng cộng 150.000.000 đồng (trong đó: 100.000.000 đồng trả tiền mặt không viết biên nhận; 50.000.000 đồng trả bằng hình thức chuyển khoản) nên chỉ còn nợ lại 50.000.000 đồng, lời trình bày của bà chỉ được đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn chấp nhận một phần, đồng ý bà có chuyển khoản trả cho ông T 50.000.000 đồng, đối với 100.000.000 đồng trả tiền mặt đại diện ủy quyền nguyên đơn không thừa nhận. Theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, bị đơn thừa nhận chứng cứ nguyên đơn cung cấp, nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về bị đơn. Bà H không chứng minh được ngoài 02 lần chuyển khoản trả cho ông T được 50.000.000 đồng thì bà có trả được cho ông T 100.000.000 đồng tiền mặt nên lời trình bày của bà H không có căn cứ để xem xét; nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà H là đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau:

- Từ ngày 08/11/2023 (ngày thụ lý vụ án) đến ngày 10/5/2024 là 06 tháng 02 ngày. Nên lãi suất là: Số tiền gốc 150.000.000 đồng x 0.83% x 06 tháng 02 ngày = 7.553.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của ông Lê Văn T buộc trách nhiệm liên đới giữa bà Phạm Thị H và chồng ông Nguyễn Bá T: Quá trình giải quyết ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận bà và ông T là vợ chồng hiện đang sống chung nhà, bà H vay tiền của ông T để làm ăn phát triển kinh tế gia đình chung. Nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng. Hội đồng xét xử xét thấy khi bà H thực hiện giao dịch dân sự với ông T thì bà H và ông T là vợ chồng được pháp luật công nhận tức việc bà H vay tài sản của ông T được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông T tài số tiền vay để phục vụ kinh tế gia đình chung nên cần buộc trách nhiệm liên đới của ông T cùng bà Hạnh trả số tiền vay cho ông T là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, việc ông T yêu cầu bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 7.553.000 đồng, tổng

cộng 157.553.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T đối với bị đơn bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Bá T. Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Bá T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn T số tiền 157.553.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Bá T có nghĩa vụ liên đới trả 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất của 50.000.000 đồng từ ngày khởi kiện đến khi vụ án được giải quyết xong do ông T tự nguyện rút yêu cầu.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Văn T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000255 ngày 01/11/2023.

Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Bá T có nghĩa vụ liên đới nộp 7.878.000 đồng.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú(1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy